TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1021/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Đức K, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: đường P, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường S, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/5/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Đức K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2008, ngày 04/9/2008 do Ủy ban nhân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại đường S, Phường N, quận T. Qúa trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến ngày 06/10/2012 bà B bỏ nhà ra đi đến nay không có tin tức gì, sau thời gian cố gắng liên lạc, tìm kiếm đến năm 2016 ông đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố bà B bị mất tích và đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết, từ sau khi có quyết định của Tòa án đến nay vẫn không có tin tức gì về bà B. Do đó ông yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Quang T, sinh ngày 06/01/2009. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Trương Đức K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về vụ án. Về tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên xử cho ông K được ly hôn bà B, giao con chung cho ông K nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Trương Đức K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và xét bị đơn đã có quyết định tuyên bố một người mất tích số 643/2016/QĐST-DS ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ "Giấy chứng nhận kết hôn" số 167/2008, quyển số 01 ngày 04/9/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa ông K và bà B là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa ông K và bà B phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà B đã bỏ nhà ra đi từ năm 2012 cho đến nay, không có tin tức gì và cũng không liên lạc với gia đình, do đó ông K đã yêu cầu tuyên bố bà B mất tích và đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình chấp nhận bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật số 643/2016/QĐST-DS ngày 30/12/2016, từ đó đến nay cũng không có tin tức gì, qua đó đã chứng minh rằng bà B không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân và trách nhiệm đối với con chung. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xin ly hôn là có căn cứ chính đáng, phù hợp với pháp luật và thực tế để đương sự ổn định đời sống.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Quang T, sinh ngày 06/01/2009. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông K không yêu cầu bà B cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên tòa không xem xét.

[3] Về án phí: ông K phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đức K về việc "ly hôn".

2. Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Đức K được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

3. Về con chung: có 01 con chung tên Trương Quang T, sinh ngày 06/01/2009.

- Ông K được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông K không yêu cầu bà B cấp dưỡng cho con.

- Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0006245 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông K đã nộp đủ án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- Chi cục THA.DS Q.TB;
- UBND Phường M, Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Trần Quang Phúc